

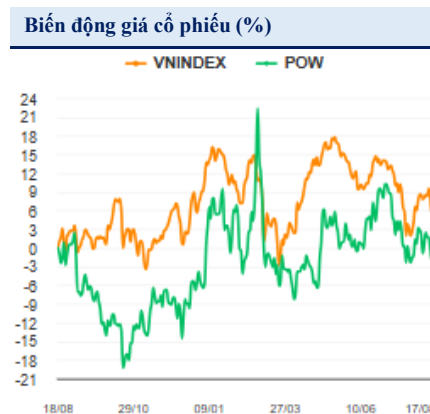
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (HOSE: POW)

Ngành: Năng lượng

BÁO CÁO CẬP NHẬT

Ngày 18/ 08/ 2026

Thông tin cổ phiếu	
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	40.956
Số CP đang lưu hành (triệu cp)	3.068
Giá thị trường (đồng)	13.350
Giá cao nhất 52 tuần (đồng)	16.550
Giá thấp nhất 52 tuần (đồng)	10.900
KLCP trung bình 20 phiên (triệu cp)	6.975.687
GTGD trung bình 20 phiên (tỷ đồng)	94,5
EPS (đồng/cp)	1.960
P/E (lần)	6,8
BVPS (đồng/cp)	13.486
P/B (lần)	1,0



Biến động giá (%)	1th	3th	Ytd
POW	-4,0	-6,6	5,1
VNINDEX	-3,1	-10,2	-2,9

Cơ cấu cổ đông	
PVN	79,9%
Cán bộ, nhân viên POW	0,1%
Khác	20,0%

Đơn vị: Tỷ đồng			
KHKD 2026	6T2026	% TH	
Doanh thu	49.887	32.635	65%
LNST	1124	5.008	446%

Chuyên viên phân tích:
Lê Nguyên Anh Phương
Email: phuong.lna@bsi.com.vn

KQKD Q2/2026: Doanh thu và lợi nhuận lập kỷ lục

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW) công bố KQKD quý 2/2026 với doanh thu đạt 20.308 tỷ đồng (+116% YoY, +65% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 3.519 tỷ đồng (+484% YoY, +193% QoQ). Kết quả tăng trưởng ấn tượng này được hỗ trợ bởi (1) các khoản hồi tố từ những năm trước; (2) sản lượng điện huy động cao; và (3) giá bán điện tăng, cải thiện biên lợi nhuận.

Khung giá trần phát điện khí tự nhiên 2026 được điều chỉnh tăng 11,1%

Bộ Công Thương vừa ban hành Quyết định số 1882/QĐ-BCT ngày 23/7/2026, nâng trần khung giá điện khí 2026 lên 3.411 đồng/kWh (+11,1% YoY) trong khi giả định giá khí và tỷ giá lần lượt tăng 2,5% và 2,8%. Đây là tín hiệu tích cực đối với các nhà máy Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1&2 khi giúp tạo dư địa tăng giá bán và cải thiện khả năng chuyển tải chi phí nhiên liệu, qua đó hỗ trợ biên lợi nhuận các nhà máy điện khí trong nước.

Các nhà máy điện khí được bổ sung nguồn nhiên liệu đầu vào

- Điện khí LNG (NT 3&4):** Vận hành ổn định với hiệu suất khoảng 55%, đóng góp 9.317 tỷ đồng, tương đương 31% doanh thu bán điện của POW. Hiện nay, GAS đã ký hợp đồng mua bán khí dài hạn (GSA) với Shell, cung cấp 400.000 tấn LNG/năm trong giai đoạn 2027–31, tương đương khoảng 40% công suất của dự án Thị Vải GD 1. Điều này đồng nghĩa với việc GAS đã đảm bảo sản lượng LNG tối thiểu khoảng 520 triệu m³ cho NT 3&4, tương đương khoảng 35% nhu cầu đầu vào theo công suất thiết kế. Giá LNG theo hợp đồng dài hạn thường thấp hơn khoảng 20% so với giá giao ngay, hỗ trợ hiệu quả vận hành nhà máy.
- Điện khí Tây Nam Bộ (Cà Mau 1&2):** Nguồn cung được cải thiện nhờ các mỏ **Khánh Mỹ – Đầm Dơi** (trữ lượng 12,4 tỷ m³ khí) dự kiến khai thác cuối 2027, cung cấp ~680 triệu m³/năm và **Nam Du – U Minh** (trữ lượng 4,5 tỷ m³ khí) dự kiến đón dòng khí đầu vào năm 2028, cung cấp khoảng 700 triệu m³/năm.
- Điện khí Đông Nam Bộ (NT1&2):** Nguồn khí được đảm bảo nhờ **Sur Tũn Trắng 2B** (trữ lượng 31 triệu m³ khí) đón dòng khí từ 6/2026, cung cấp khoảng 1,2 tỷ m³/năm và **Nga – Hải Âu** (trữ lượng 7,4 m³ khí) dự kiến đón dòng khí đầu 2027, khoảng 600 triệu m³/năm).

Yếu tố theo dõi:

- Nguồn cung nhiên liệu và điều kiện thời tiết
- Lịch sửa chữa, bảo dưỡng & sự cố kỹ thuật các nhà máy điện

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Quý - VNDbn	Q2/25	Q2/26	% YoY	1H25	1H26	% YoY	% sv ước tính
Doanh thu thuần	9.399	20.308	116%	17.549	32.635	86%	56%
Lợi nhuận gộp	1.168	4.721	304%	1.984	6.525	229%	89%
Lợi nhuận từ HĐKD	1.002	4.300	329%	1.480	5.868	296%	99%
LNTT	810	4.152	413%	1.320	5.559	321%	71%
LNST & CĐTS	602	3.519	484%	1.048	4.718	350%	70%
Biên lợi nhuận gộp	12,4%	23,2%		11,3%	20,0%		
Biên lợi nhuận ròng	6,4%	17,3%		6,0%	14,5%		

Cập nhật KQKD Quý 2/2026

Quý - VNDbn	Q2/25	Q1/26	Q2/26	% YoY	% QoQ	1H25	1H26	% YoY	% sv BETA ước
Sản lượng điện (triệu kWh)	4.872	5.649	7.352	51%	30%	9.117	13.001	43%	53%
Nhiệt điện khí	2.631	3.441	4.734	80%	38%	4.806	8.175	70%	49%
Nhiệt điện than	1.934	1.866	2.318	20%	24%	3.694	4.184	13%	64%
Thủy điện	307	342	300	-2%	-12%	617	642	4%	46%
Doanh thu thuần	9.399	12.327	20.308	116%	65%	17.549	32.635	86%	56%
Nhiệt điện khí	5.385	8.526	13.531	151%	59%	9.835	22.057	124%	51%
Nhiệt điện than	3.527	3.060	4.580	30%	50%	6.671	7.640	15%	58%
Thủy điện	301	324	362	20%	12%	624	686	10%	49%
Giá bán điện bình quân (đồng/kWh)	1.891	2.108	2.513	33%	19%	1.879	2.337	24%	100%
Lợi nhuận gộp	1.168	1.804	4.721	304%	162%	1.984	6.525	229%	89%
Chi phí SG&A	166	236	422	154%	79%	504	658	31%	45%
Lợi nhuận từ CTLK	0	-	1	2128%		1	1	68%	3%
LN từ HĐKD	1.002	1.568	4.300	329%	174%	1.480	5.868	296%	99%
Thu nhập tài chính	206	299	366	77%	23%	414	665	60%	54%
Chi phí tài chính	399	458	516	29%	13%	574	974	70%	54%
- Chi phí lãi vay	138	414	518	276%	25%	257	932	262%	63%
Lợi nhuận khác	1	(1)	1			(0)	0		0%
LNTT	810	1.408	4.152	413%	195%	1.320	5.559	321%	71%
LNST	761	1.300	3.708	387%	185%	1.234	5.008	306%	70%
LNST sau lợi ích CĐTS	602	1.200	3.519	484%	193%	1.048	4.718	350%	70%
<i>Biên lãi gộp</i>	<i>12,4%</i>	<i>14,6%</i>	<i>23,2%</i>			<i>11,3%</i>	<i>20,0%</i>		
<i>Biên lãi ròng</i>	<i>6,4%</i>	<i>9,7%</i>	<i>17,3%</i>			<i>6,0%</i>	<i>14,5%</i>		

Nguồn: POW, BETA tổng hợp

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW) công bố KQKD quý Q2/2026 lập kỷ lục, với doanh thu đạt 20.308 tỷ đồng (+116% YoY, +65% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 3.519 tỷ đồng (+484% YoY, +193% QoQ). Kết quả tăng trưởng mạnh nhờ sản lượng điện thương phẩm tăng 51% YoY lên 7.352 triệu kWh, chủ yếu nhờ sản lượng điện khí tăng 80% YoY và điện than tăng 20% YoY. Giá bán điện bình quân cũng tăng 43% YoY giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh. Cụ thể:

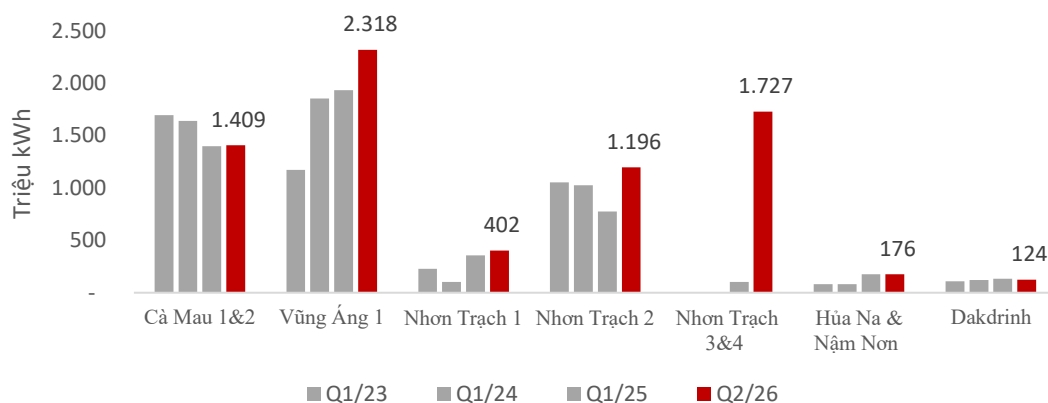
- **Sản lượng điện** tăng mạnh trên hầu hết nhóm nhà máy nhiệt điện, đặc biệt có Vũng Áng 1 và Nhơn Trạch 2 vượt xa sản lượng kế hoạch Petrovietnam giao. Sản lượng điện khí đạt 4,734 triệu kWh (+80% YoY, +38% QoQ), đóng góp chủ yếu từ NT3&4 khi nhà máy bắt đầu vận hành thương mại và được huy động ở mức cao. Sản lượng điện than đạt 2,318 triệu kWh (+20% YoY, +24% QoQ), trong khi thủy điện giảm nhẹ 2% YoY và 12% QoQ.
- **Biên lợi nhuận gộp** cải thiện nhờ giá bán điện bình quân tăng 33% YoY, cao hơn mức tăng 25% YoY của chi phí sản xuất điện bình quân, nhờ hiệu quả tối ưu chi phí cố định trên mỗi đơn vị sản lượng.

Chi phí SG&A Q2/2026 tăng 79% QoQ lên 422 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí dự phòng bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy được phân bổ trong kỳ. Tuy nhiên, lũy kế 6T2026, SG&A tăng 31% YoY lên 658 tỷ đồng, thấp hơn đáng kể mức tăng 86% của doanh thu, cho thấy chi phí vẫn được kiểm soát tốt.

Bên cạnh đó, KQKD 6T2026 được hỗ trợ đáng kể bởi việc xử lý và thu hồi các khoản tồn đọng từ các năm trước. Tại công ty mẹ, khoảng 2.476 tỷ đồng các khoản hồi tố đóng góp hơn 59% LNTT, chủ yếu gồm 1.103 tỷ đồng chênh lệch tỷ giá tại Vũng Áng 1 giai đoạn 2019–2021, 991 tỷ đồng từ quyết toán chênh lệch tiền điện và giá khí tại Cà Mau 1&2, và 381 tỷ đồng từ giảm trích lập dự phòng chi phí O&M. Tính trên LNTT hợp nhất 6T2026 đạt 5.559 tỷ đồng, các khoản hồi tố này đóng góp khoảng 45%, cho thấy tăng trưởng lợi nhuận trong kỳ được hỗ trợ đáng kể bởi các khoản thu nhập không thường xuyên bên cạnh sự cải thiện của hoạt động kinh doanh cốt lõi.

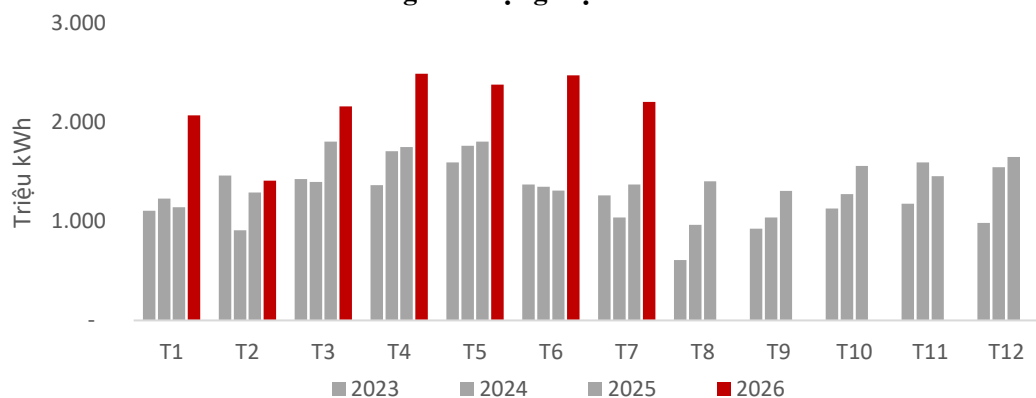
Lũy kế 6T2026, POW ghi nhận doanh thu 32.635 tỷ đồng (+86% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS 4.718 tỷ đồng (+350% YoY), lần lượt hoàn thành 65% và 446% kế hoạch năm. Nếu loại trừ các khoản hồi tố, LNTT cốt lõi đạt khoảng 3.083 tỷ đồng (+134% YoY), cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi vẫn tăng trưởng mạnh nhờ sản lượng huy động cao, biên lợi nhuận cải thiện và đóng góp tích cực từ NT3&4.

Sản lượng điện theo nhà máy



Nguồn: POW, BETA tổng hợp

Tổng sản lượng điện - POW



**LÃI VAY CỰC HỜI
SINH LỜI VƯỢT TRỘI**

9.99%
/năm

Phí giao dịch từ **0.06%**

BETA
BETA SECURITIES INC

HOTLINE (028) 3914 2929

TÀI NGAY
WEBSITE

TÀI NGAY
ZALO

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phân tích này xác nhận rằng: hoàn toàn trung thực và không có động cơ cá nhân khi thực hiện báo cáo này. Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo này được thu thập từ những nguồn tin cậy và đã được xem xét cẩn thận. Tuy nhiên, người viết không đảm bảo tính đầy đủ cũng như chính xác tuyệt đối của những thông tin nêu trên. Các quan điểm, nhận định trong báo cáo này chỉ là quan điểm riêng của cá nhân người viết mà không hàm ý chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BETA).

Báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất kỳ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác và nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo phân tích này như một nguồn tham khảo. Chuyên viên phân tích cũng như Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc những thông tin sai lệch về doanh nghiệp. Các công cụ tài chính được đề cập trong báo cáo có thể sẽ không phù hợp với tất cả nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình bằng cách tham khảo các nhà tư vấn tài chính độc lập nếu cần thiết và dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình.

Báo cáo phân tích này là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA. Khi sử dụng các nội dung đã được BETA chấp thuận, xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với BETA về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà BETA hoặc khách hàng của BETA phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Khuyến cáo này và theo quy định của pháp luật.